

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK tăng điểm mạnh với sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngân hàng, bất động sản và chứng khoán với thanh khoản thị trường tăng cao

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm, tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu vốn hoá lớn

[Thông tin doanh nghiệp]

FPT, MSH

[Cập nhật công ty]

HDG, HPG

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị gia tăng một phần tỷ trọng trading ngắn hạn tại vùng hỗ trợ đã đề cập nhưng cần tuân thủ điểm dừng lỗ và hạ tỷ trọng nếu điểm đỡ bị xuyên thủng sau đó

16/11/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIIndex	942.90	+3.40
VN30	940.29	+3.93
HĐTL VN30F1M	957.60	+6.99
HNXIndex	183.45	+4.36
HNX30	277.35	+6.32
UPCoM	65.32	+3.19
USD/VND	24,787	-0.09
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	4.89	-1
Lãi suất qua đêm (%)	4.56	+50
Dầu (WTI, \$)	86.85	-0.08
Vàng (LME, \$)	1,776.95	-0.11



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 942.90 (+3.40%)
KLGD (triệu CP) 1,046.8 (+98.2%)
GTGD (triệu US\$) 579.9 (+46.8%)

TTCK tăng điểm mạnh với sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngân hàng, bất động sản và chứng khoán với thanh khoản thị trường tăng cao. Khối ngoại tiếp tục mua ròng ở CTG (+6%), FUEVFVND (+6.3%), VHM (+3.5%).

HNXIndex 183.45 (+4.36%)
KLGD (triệu CP) 121.8 (+94.7%)
GTGD (triệu US\$) 45.2 (+82.8%)

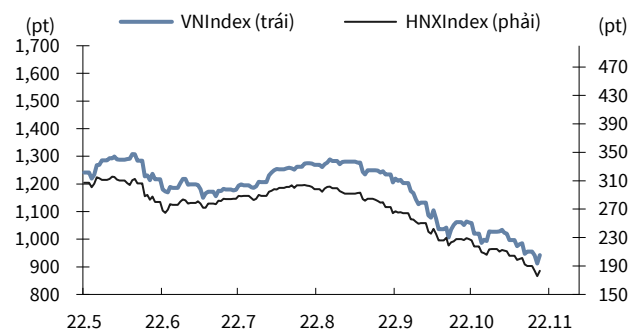
Nhà máy lọc dầu Dung Quất tăng công suất để đảm bảo nguồn cung trong nước, qua đó góp phần giảm áp lực nguồn cung xăng dầu trong thời điểm hiện nay. Cổ phiếu dầu khí tăng giá ở BSR (+5.2%), OIL (+7.9%), PLX (+5.5%)

UPCoM 65.32 (+3.19%)
KLGD (triệu CP) 68.1 (+51.8%)
GTGD (triệu US\$) 21.1 (+34.6%)

Bộ Công Thương trình Chính phủ phê duyệt Quy hoạch Điện 8, với giá điện dự kiến lên mức 8,1-9 UScent/kWh vào năm 2030. Cổ phiếu điện tăng giá ở VSH (+6.9%), REE (+5.6%)

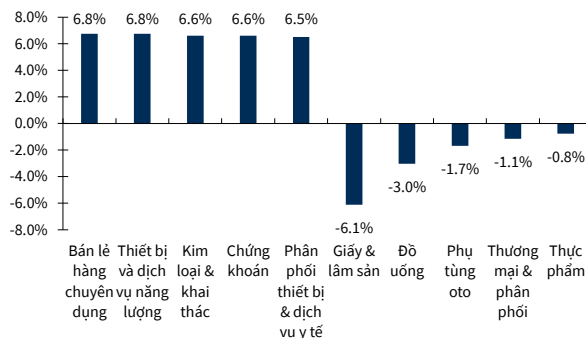
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +27.7

VNIndex & HNXIndex



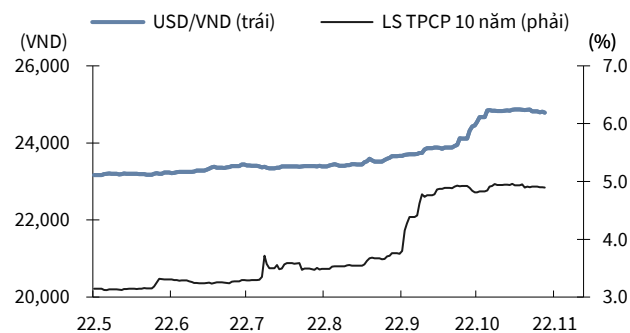
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

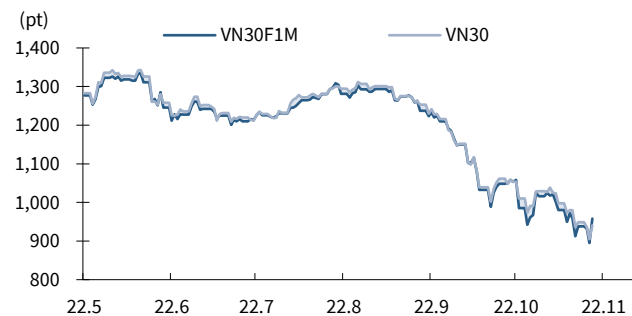
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	940.29 (+3.93%)
VN30F1M	957.6 (+6.99%)
Mở cửa	876.1
Cao nhất	957.6
Thấp nhất	860.6

Các HĐTL tăng điểm, tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu vốn hoá lớn. Chênh lệch F2211 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức thấp nhất ngày -42.1 điểm, sau đó thu hẹp dần biên độ và đảo chiều đạt mức cao nhất ngày +36.7 điểm, đóng cửa ở mức +17.3 điểm. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ.

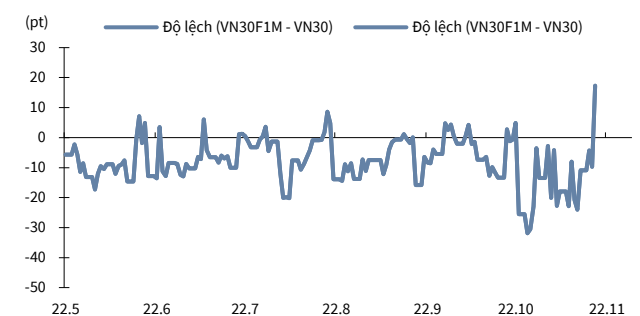
KLGD (HĐ) **600,883 (+9.9%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



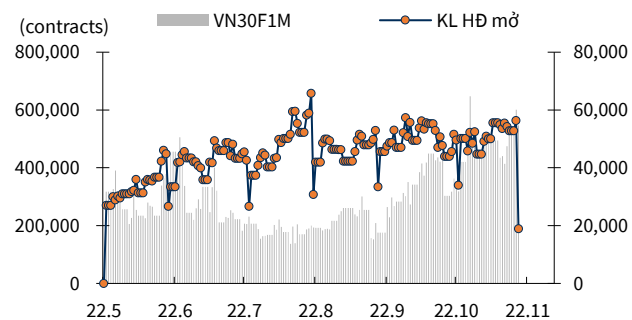
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



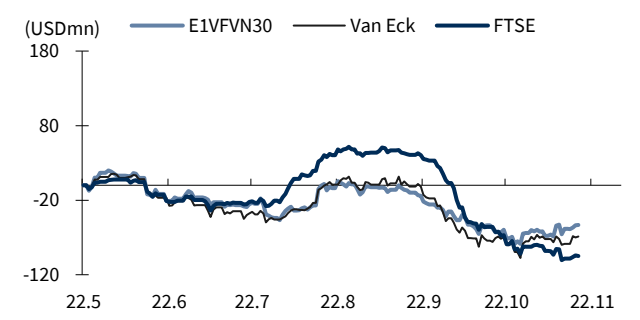
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

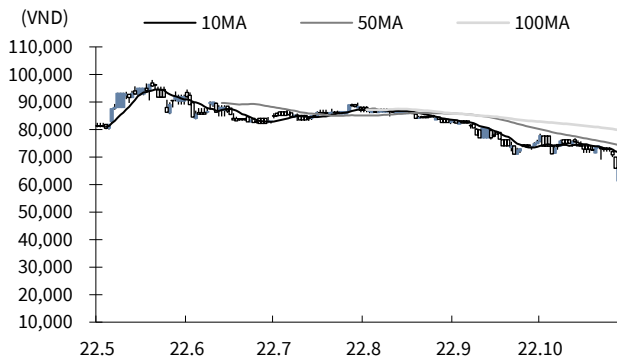
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

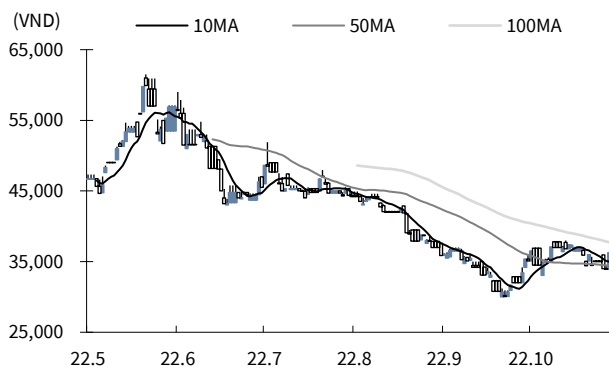
CTCP FPT (FPT)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- FPT tăng 5.16% lên 69,300 VND/cp
- Tập đoàn FPT công bố kết quả kinh doanh 10 tháng đầu năm với doanh thu đạt 33,105 tỷ đồng tăng 24.4% YoY, lợi nhuận trước thuế 6,456 tỷ đồng tăng 24% YoY. Lợi nhuận sau thuế cho cổ đông công ty mẹ đạt 4,550 tỷ đồng, tăng 30,7% YoY.
- Kế hoạch năm 2022, tập đoàn đã thực hiện được 78% chỉ tiêu doanh thu và 85% mục tiêu lợi nhuận trước thuế sau 10 tháng.

CTCP May Sông Hồng (MSH)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MSH tăng 6.93% lên 36,250 VND/cp
- CTCP May Sông Hồng thông báo trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, tỷ lệ 25% (1 cổ phiếu nhận được 2.500 đồng). Với hơn 75 triệu cổ phiếu đang lưu hành, công ty sẽ chi khoảng 188 tỷ đồng trả cổ tức. Ngày đăng ký cuối cùng là ngày 9/12, tương ứng với ngày giao dịch không hưởng quyền là 8/12. Ngày thanh toán dự kiến là 23/12.
- May Sông Hồng là công ty có truyền thống trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ cao, như năm 2021 là 45%, năm 2020 là 30%.

CTCP Tập đoàn Hoà Phát (HPG)



Thách thức lớn từ nhu cầu tiêu thụ

Chuyên viên phân tích Nguyễn Đình Thuận
thuannd@kbsec.com.vn

16/11/2022

Doanh thu thuần 3Q2022 của HPG sụt giảm, lợi nhuận sau thuế ghi nhận lỗ

Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế 3Q2022 của Tập đoàn Hoà Phát đạt lần lượt là 34,440 tỷ đồng (-11.8% YoY), và -1,785 tỷ đồng (-117% YoY). Doanh thu và lợi nhuận sụt giảm nghiêm trọng do giá bán đi xuống cùng tồn kho nguyên vật liệu giá cao. Tỷ giá cũng tác động nhiều đến KQKD 3Q2022 của HPG. Trong kỳ, sản lượng tiêu thụ thép xây dựng đạt 1,076,000 tấn (+12% YoY). Đặc biệt, tiêu thụ ống thép tăng vọt, ghi nhận 200,000 tấn (+62% YoY). Sản lượng tiêu thụ HRC chỉ nhích nhẹ trong khi tồn kho ghi nhận sự sụt giảm.

HPG chủ động giảm hàng tồn kho và sản lượng sản xuất trong bối cảnh tiêu thụ yếu

Đầu ra giảm và tồn kho nguyên vật liệu giá cao đã được phản ánh vào kết quả kinh doanh Quý 3. HPG sẽ quản trị hàng tồn kho chặt chẽ và có thể ghi nhận giá vốn thấp hơn vào quý tới. Hoà Phát cũng ra quyết định tạm dừng hoạt động một số lò cao trong bối cảnh nhu cầu yếu. Tiêu thụ thép Quý 4 vẫn còn nhiều thách thức khi thị trường Bất động sản và giải ngân đầu tư công trì trệ.

HPG duy trì lợi thế cạnh tranh, gia tăng thị phần

Ngành thép đang trải qua giai đoạn khó khăn khi giá thép giảm và nhu cầu tiêu thụ yếu. Hầu hết doanh nghiệp sản xuất thép đều ghi nhận lỗ trong 3Q2022. Hoà Phát với biên lợi nhuận gộp cao, chi phí sản xuất cạnh tranh được kỳ vọng sẽ gia tăng thị phần khi các doanh nghiệp sản xuất thép phải giảm sản lượng do áp lực từ việc lỗ do giá thép đi xuống và nhu cầu tiêu thụ ảm đạm.

Chúng tôi khuyến nghị MUA với cổ phiếu HPG với giá mục tiêu 15,300 VND/CP

Chúng tôi điều chỉnh dự phóng doanh thu năm 2022 HPG xuống 137,883 tỷ đồng (-7.9% YoY), lợi nhuận sau thuế đạt 10,236 tỷ đồng (-70% YoY). Với quan điểm thận trọng với nhu cầu tiêu thụ thép và giá bán đầu ra giảm nhẹ cho đến hết năm, chúng tôi khuyến nghị MUA với giá mục tiêu 15,300 VND/cp, triển vọng tăng 15%.

MUA

Giá mục tiêu 15,300 VND

Tăng/giảm	15%
Giá hiện tại	13,350
Giá mục tiêu đồng thuận	27,143
Vốn hóa (nghìn tỉ VND/tỉ USD)	87,222/ 3.5

Dữ liệu giao dịch

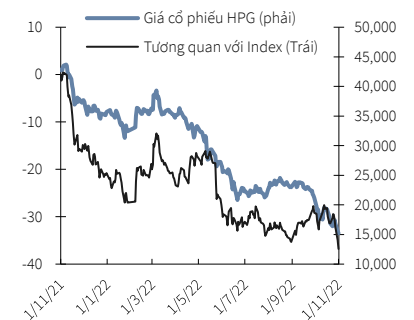
Tỉ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	55%
GTGD TB 3 tháng (tỉ VND/triệu USD)	991/3.1
Sở hữu nước ngoài (%)	22%

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-30	-36	-52	-64
Tương đối	-21	-19	-32	-36

Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2019A	2020A	2021A	2022F
Doanh số thuần (tỷ VND)	63,658	90,119	149,680	137,883
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	9,031	15,289	37,008	11,668
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)	7,578	13,506	10,236	12,436
EPS (VND)	2,700	4,007	7,718	1,760
Tăng trưởng EPS (%)	-32%	49%	89%	-70%
P/E (x)	5.80	3.86	2.03	7.0
P/B (x)	0.88	0.85	0.8	0.7
ROE (%)	17.03%	25.14%	45.97%	10%
Tỷ lệ cổ tức tiền mặt (%)	0%	5%	5%	0%



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Hà Đô (HDG)

Triển vọng tích cực từ Charm Villas

14/11/2022

Chuyên viên phân tích Tiêu Phan Thanh Quang

quangtp@kbsec.com.vn

Chuyên viên phân tích Phạm Hoàng Bảo Nea

Kết quả kinh doanh quý 3/2022 tăng trưởng tốt nhờ hoạt động kinh doanh điện

Doanh thu thuần Quý 3/2022 đạt 838 tỷ VND (+32%YoY), trong đó doanh thu từ chuyển nhượng BĐS đạt 224 tỷ VND từ bàn giao 15 căn biệt thự Hà Đô Charm Villas, giảm 41% so với mức nền cao của cùng kỳ năm 2021; doanh thu bán điện tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ đạt 537 tỷ VND (+175%YoY) nhờ (1) Các nhà máy thủy điện vận hành hiệu quả nhờ điều kiện thủy văn tốt (2) Đóng góp của 3 nhà máy mới. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 251 tỷ VND (+10%YoY).

Dự báo KQKD của mảng điện năm 2023 sẽ chững lại do các nhà máy thủy điện không còn được hưởng lợi từ La Nina

Chúng tôi dự phóng sản lượng điện và doanh thu của mảng điện năm 2023 sẽ đạt 1,460 triệu kWh (+66% YoY) và 2,010 tỷ VNĐ (+58% YoY) nhờ vào mức nền so sánh thấp của năm 2021 cũng như tình hình thủy văn hỗ trợ thuận lợi cho việc vận hành của nhà máy thủy điện. Dự báo KQKD của mảng điện năm 2023 sẽ chững lại do không còn mức nền thấp cũng như các nhà máy thủy điện không còn được hưởng lợi từ La Nina. Sản lượng và doanh thu năm 2023 dự phóng đạt lần lượt 1,296 triệu kWh (-11% YoY) và 1,857 tỷ VNĐ (-8% YoY).

Dự án Hado Charm Villas đóng góp chính vào KQKD của mảng BĐS trong năm 2022-2024

Dự án Hado Charm Villas là dự án chính đóng góp vào kết quả kinh doanh của mảng BĐS trong năm 2022-2024 khi các dự án gối đầu khác tại TP HCM là Hago Greenlane và Hado Minh Long chưa được triển khai do các vướng mắc về pháp lý.

Khuyến nghị MUA - Giá mục tiêu: 35,000VNĐ/cổ phiếu

Dựa trên triển vọng kinh doanh và kết quả định giá, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu HDG với giá mục tiêu là 35,000VNĐ/cổ phiếu, tương đương với upside 40% so với giá đóng cửa ngày 14/11/2022.

Mua duy trì

Giá mục tiêu 35,000VNĐ

Tăng/giảm (%)	40%
Giá hiện tại (14/11/2022)	24,600VNĐ
Giá mục tiêu đồng thuận	65,600VNĐ
Vốn hóa thị trường (tỷ VND/ triệu USD)	6.1/0.2

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	38.4%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND, triệu USD)	82.2/3.4
Sở hữu nước ngoài (%)	33.1%
Cổ đông lớn	Ông Nguyễn Trọng Thông - Chủ tịch HĐQT (32%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-29	-50	-21	-25
Tương đối	-18	-26	-1	-34

Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2020	2021	2022F	2023F
Doanh số thuần (tỷ VND)	4,999	3,777	3,796	4,466
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	1,545	1,651	1,947	2,288
Lợi nhuận của CD công ty mẹ (tỷ VND)	979	1,097	1,300	1,499
EPS (VNĐ)	6,213	5,470	5,316	6,128
Tăng trưởng EPS (%)	-19	-12	-3	15
P/E (x)	4.34	4.93	4.63	4.01
P/B (x)	1.38	1.22	1.01	0.86
ROE (%)	27	23	25	25
Tỷ suất cổ tức (%)	2	4	4	na



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Nguồn: Báo cáo doanh nghiệp, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex lao dốc mạnh trong phiên trước khi diễn biến giằng co và hồi phục một phần vào cuối phiên.
- Ngưỡng hỗ trợ tâm lý quanh 900 điểm đã cho phản ứng và giúp cho chỉ số tránh được một nhịp giảm sâu trong phiên. Mặc dù vậy, VNIndex tiếp tục đối mặt với rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh xuống vùng hỗ trợ sâu hơn quanh 880 (+5) trước khi có cơ hội xuất hiện một nhịp hồi phục trong ngắn hạn.
- NĐT được khuyến nghị gia tăng một phần tỷ trọng trading ngắn hạn tại vùng hỗ trợ đã đề cập nhưng cần tuân thủ điểm dừng lỗ và hạ tỷ trọng nếu điểm đỡ bị xuyên thủng sau đó.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 913 - 915

Kháng cự gần: 902 - 905

Hỗ trợ gần: 880 - 884

Hỗ trợ xa: 865 - 870

- F1 lao dốc mạnh trong phiên trước khi diễn biến giằng co và hồi phục một phần vào cuối phiên.
 - Áp lực bán mạnh trong phiên khiến cho chỉ số đánh mất vùng đáy ngắn hạn quanh 910 (+5), hiện đã đảo vai trò là vùng kháng cự gần của chỉ số. Với xu hướng giảm điểm trong trung hạn vẫn đóng vai trò chủ đạo, F1 tiếp tục đối mặt với rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh xuống vùng hỗ trợ sâu hơn quanh 860 (+5) trước khi có cơ hội xuất hiện một nhịp hồi phục trong ngắn hạn
 - Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.
 - Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở SHORT quanh các ngưỡng kháng cự
- Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

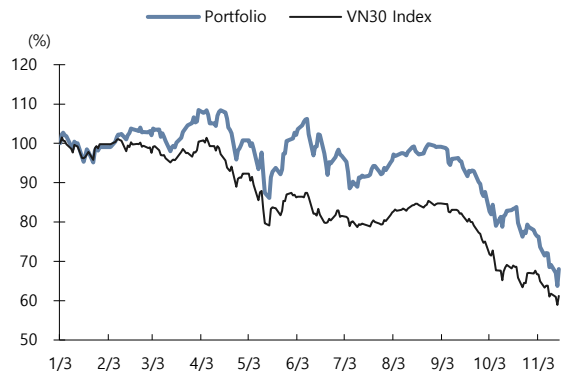
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	3.93%	6.74%
Tăng lũy kế (YTD)	-38.77%	-31.96%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 16/11/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	40,450	6.9%	-2.0%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa DMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	12,200	6.1%	-59.6%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	97,000	3.1%	22.8%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	100,000	16.1%	-55.2%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	67,400	5.6%	115.8%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	69,300	5.2%	171.6%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	24,800	6.0%	23.8%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	117,000	4.9%	51.9%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	13,350	6.8%	12.3%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	16,000	6.7%	46.0%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
CTG	6.0%	27.0%	93.3
FUEVFNVD	6.3%	97.7%	67.0
VHM	3.5%	23.2%	57.4
VIC	6.0%	12.2%	56.6
SSI	6.8%	35.6%	54.2
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	-3.3%	55.7%	-210.5
VCB	0.1%	23.6%	-206.1
VPB	5.8%	17.7%	-31.2
MBB	6.7%	23.2%	-23.0
SAB	-3.1%	62.7%	-48.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	6.7%	15.2%	23.5
IDC	9.9%	0.4%	10.6
PVI	6.2%	58.8%	0.9
THD	2.3%	1.2%	0.7
SD5	1.5%	6.7%	0.5
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	9.3%	5.6%	-2.7
VCS	7.5%	3.0%	-0.4
HUT	9.3%	0.8%	-0.2
CEO	9.9%	0.2%	-0.1
CDN	-9.7%	20.6%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bao bì & đóng gói	4.2%	TDP, SVI, MCP, TPC
Kim loại & khai thác	1.5%	HPG, HSG, NKG, KSB
Quản lý & phát triển bất động sản	1.2%	VHM, VIC, NVL, BCM
Tiện ích khí	0.5%	GAS, PGD, PMG
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	0.1%	PNJ, TCM, MSH, GIL
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Giấy & lâm sản	-30.3%	DHC, HAP, HHP, VID
Máy móc	-16.7%	TCH, HHS, SRF, SHA
Thiết bị và dịch vụ năng lượng	-16.5%	PVD, PVT
Hóa chất	-16.2%	GVR, DGC, DPM, DCM
Xây dựng và kỹ thuật	-14.3%	DIG, HDG, VCG, PC1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bao bì & đóng gói	9.4%	TDP, SVI, MCP, TPC
Tiện ích khí	6.5%	GAS, PGD, PMG
Thực phẩm	4.9%	VNM, MSN, KDC, VHC
Ngân hàng	4.4%	VCB, BID, VPB, TCB
Vật liệu xây dựng	0.0%	HT1, PTB, GAB, ACC
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Giấy & lâm sản	-41.3%	DHC, HAP, HHP, VID
Xây dựng và kỹ thuật	-36.2%	DIG, HDG, VCG, PC1
Sản phẩm xây dựng	-34.0%	VGC, BMP, SHI, DAG
Máy móc	-33.5%	TCH, HHS, SRF, SHA
Kim loại & khai thác	-31.8%	HPG, HSG, NKG, KSB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	76,245 (3.1)	22.5	24.6	23.0	14.7	8.8	9.2	2.2	2.0	6.0	12.5	1.2	-36.5
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	154,265 (6.2)	26.6	6.3	5.3	35.9	22.6	21.9	1.3	1.1	3.5	0.8	-13.5	-45.2
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	35,749 (1.4)	17.8	24.3	16.6	-7.6	7.8	10.6	1.9	1.7	6.4	4.5	5.4	-11.8
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	79,764 (3.2)	31.3	12.0	10.0	6.7	14.1	15.2	1.7	1.4	-6.9	-30.1	-55.6	-62.9
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	45,963 (1.9)	11.6	10.2	9.8	13.7	13.0	12.4	1.2	1.1	4.4	-0.2	-23.6	-56.3
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	110,787 (4.5)	13.9	5.9	4.7	-	10.4	11.5	0.5	0.4	6.9	-19.6	-44.7	-73.9
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	87,645 (3.5)	6.3	13.3	11.3	11.7	22.0	22.0	2.6	2.2	0.1	1.5	10.3	-4.7
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	61,041 (2.5)	12.7	12.6	10.1	-5.3	17.4	18.5	1.8	1.5	6.9	-1.2	8.2	-3.8
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	180,613 (7.3)	0.0	3.6	3.1	14.3	20.9	19.5	0.7	0.6	6.8	-9.2	-14.0	-55.8
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	181,279 (7.3)	1.4	6.7	5.7	50.3	18.5	19.6	1.1	1.0	6.0	1.4	9.3	-26.8
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	266,616 (10.8)	0.0	5.6	5.6	18.8	19.7	16.9	1.0	0.8	5.8	-11.4	-4.0	-35.1
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	224,855 (9.1)	0.0	3.9	3.4	14.6	24.5	22.9	0.8	0.7	6.7	-10.9	-15.2	-37.3
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	44,521 (1.8)	4.2	4.8	4.2	23.3	23.1	21.6	1.0	0.8	6.4	0.7	-12.4	-39.6
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	382,662 (15.4)	14.0	7.5	2.5	26.5	12.5	24.9	0.8	0.6	7.0	-0.6	-8.5	-48.7
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	72,710 (2.9)	0.0	5.4	4.2	37.4	21.6	21.5	1.0	0.8	4.8	3.2	1.2	-49.2
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	44,065 (1.8)	0.2	9.1	7.8	27.3	16.0	16.2	1.2	1.1	-6.9	-30.1	-47.2	-42.1
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	41,384 (1.7)	21.0	16.5	13.5	15.8	9.9	11.5	1.5	1.5	6.8	-7.8	-6.7	-15.5
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	5,714 (0.2)	14.2	8.8	7.9	9.1	12.8	13.6	1.0	0.9	6.0	-13.5	-22.2	-59.5
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	290,133 (11.7)	55.4	8.9	8.1	-3.2	15.2	13.1	-	-	6.8	-0.3	-17.0	-69.5
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,154	9,108 (396)	175,831 (7.1)	71.9	-	-	-4.0	22.7	20.9	-	-	6.8	-19.6	-31.5	-66.3
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	114,375 (4.6)	52.4	-	-	-19.0	16.9	15.9	-	-	6.8	-19.2	-18.8	-63.8
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	260,056 (10.5)	27.2	-	-	36.3	27.0	25.6	-	-	6.6	1.0	-27.2	-68.3
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	166,355 (6.7)	42.1	18.0	16.1	4.0	27.3	29.4	4.5	4.4	-3.2	-7.9	0.7	-13.8
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	30,758 (1.2)	36.9	23.2	20.1	7.3	22.4	22.9	4.8	4.2	-3.1	-2.0	-4.0	19.7
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	106,836 (4.3)	16.5	24.0	17.2	-51.9	14.5	17.6	3.4	2.9	1.7	4.5	15.1	-36.2
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	18,313 (0.7)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	7.0	-5.2	-16.9	-67.5
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	22,951 (0.9)	11.0	43.1	27.3	-88.5	7.5	16.4	-	-	0.1	1.3	-6.5	-20.6
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	38,814 (1.6)	10.8	13.2	12.9	-57.0	13.4	13.5	1.8	1.7	6.1	-8.8	-13.0	-12.3
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	63,684 (2.6)	38.4	3.9	21.2	65.7	14.3	2.4	0.5	0.5	7.0	-19.3	-33.9	-75.2
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	153,327 (6.2)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	6.9	4.7	-17.7	-69.6
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	19,580 (0.8)	3.6	24.5	4.9	-52.4	1.0	4.8	-	-	6.9	-19.6	-42.0	-75.4
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	44,751 (1.8)	0.0	9.5	9.3	-4.5	16.4	15.3	1.3	1.2	5.6	-2.3	-12.8	12.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	38,362 (1.5)	46.1	16.0	17.2	-17.5	24.5	20.7	3.9	3.5	4.9	0.5	6.6	21.6
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	30,945 (1.3)	31.4	8.4	8.2	-10.5	18.4	17.5	1.4	1.3	6.6	-1.3	-14.3	-13.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,142 (0.0)	34.1	13.8	6.3	-5.1	4.7	9.9	0.8	0.7	4.9	-10.0	-22.7	-51.1
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	580,069 (23.4)	18.0	3.7	3.3	21.9	20.1	19.5	0.7	0.6	6.8	2.7	-31.4	-62.6
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	113,152 (4.6)	36.5	3.1	4.6	-0.5	40.1	23.5	1.1	1.0	6.9	-12.0	-22.2	-26.1
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	136,511 (5.5)	46.5	4.1	6.2	-4.5	41.5	22.9	1.5	1.3	6.9	-11.7	-18.1	-28.1
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	139,397 (5.6)	38.9	3.3	2.8	67.9	11.8	12.9	0.4	0.3	6.9	-15.9	-44.5	-74.8
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	19,340 (0.8)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	6.9	-14.4	-26.6	-69.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	27,607 (1.1)	4.6	17.3	9.4	-51.0	6.3	11.7	1.0	1.7	5.5	-10.0	-22.8	-51.8
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	156,071 (6.3)	39.9	211.0	13.0	-11.9	0.3	4.2	0.5	0.5	6.7	-19.8	-32.3	-39.5
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	29,926 (1.2)	35.9	6.2	5.8	2.2	14.6	14.4	0.9	0.7	6.9	-11.7	-18.0	-35.7
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	165,402 (6.7)	0.0	10.6	7.8	14.4	24.5	28.2	2.0	1.6	6.9	-11.1	-32.5	-40.5
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	31,255 (1.3)	0.0	13.4	11.5	2.4	24.4	21.8	2.7	2.3	3.1	-0.3	-7.7	0.8
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,834 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	7.0	-15.2	-53.0	-71.1
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	135,854 (5.5)	30.3	14.2	11.4	-75.2	27.8	25.6	3.3	2.6	6.9	-14.6	-18.1	-4.3
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	26,469 (1.1)	34.6	5.8	4.8	41.2	29.6	25.2	1.4	1.2	7.0	-14.1	-25.1	-50.6
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,119 (0.0)	45.4	12.5	11.7	10.7	21.5	20.8	-	-	2.0	-2.6	-2.2	-27.9
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	93,530 (3.8)	0.0	14.0	11.5	15.5	28.4	29.2	3.6	3.1	5.2	-6.4	-6.4	-10.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu – Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên cao cấp
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích
huynd1@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann@kbsec.com.vn

Dầu khí & Tiện ích

Tiêu Phan Thanh Quang – Chuyên viên phân tích
quangtpt@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Lê Hạnh Quyên – Chuyên viên phân tích
quyenlh@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Thủy sản & Dệt may

Trần Thị Phương Anh – Chuyên viên phân tích
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.